

Bản án số: 41 /2018/DS-ST

Ngày: 30/10/2018

"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhó

Bà Nguyễn Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Chức vụ: Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, địa chỉ: Số 48 đường Trần Xuân Lê, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty V (gọi tắt: VPB FC); địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà R, số 9 đường B, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện theo pháp luật là: Ông G - Chức danh: Chủ tịch HĐQT; đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Ông T - Sinh năm: 1997; địa chỉ: Số 353 đường P, quận C, thành phố Đà Nẵng (theo Văn bản ủy quyền số: 50/UQ-VH18 ngày 18/4/2018 của Chủ tịch HĐQT Công ty và Văn bản ủy quyền số: 1240/UQTA-VH.18 ngày 31.5.2018 của Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà L - Sinh năm 1992; địa chỉ: Số K304/12 đường H, tổ 90, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 5 năm 2018, các bản tự khai viết ngày 19 tháng 9 năm 2018 và ngày 05 tháng 10 năm 2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 08 tháng 10 năm 2015, bà L có ký hợp đồng tín dụng số: 20151106-500000-0713 (Đơn đề nghị vay vốn kiêm HĐTD, số hiệu hồ sơ: 0880196) với Công ty V vay số tiền 29.540.000đ (*hai mươi chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*) với mức lãi suất thỏa thuận 2,92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo hợp đồng, bà L có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 44.727.000đ (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 30 tháng; 29 tháng đầu mỗi tháng trả 1.491.000đ, tháng cuối cùng trả 1.488.000 đồng. Kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 06/12/2015.

Thực hiện theo hợp đồng, nguyên đơn đã chuyển số tiền 28.000.000đ vào tài khoản số: 90018051 mang tên bà L, số tiền còn lại 1.540.000đ nguyên đơn giữ lại để mua bảo hiểm tín dụng theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 10 lần với tổng số tiền đã trả là 14.922.000đ. Kể từ ngày 11/12/2016 đến nay, bị đơn không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào dù nguyên đơn đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Vì vậy, Công ty V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ vay là 29.805.000đ (*hai mươi chín triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng*), trong đó tiền nợ gốc vay là 22.352.079đ và nợ lãi là 7.452.921đ. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi tiếp tục kể từ ngày 06.7.2018 cho đến khi thanh toán hết khoản tiền nợ trên, hàng tháng bà L còn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn bà L không có ý kiến phản hồi, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng không có lý do, như vậy bà L không tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng của Công ty V với bà L là có căn cứ, phù hợp với Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- [1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty V đối với bà L về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn bà L vắng mặt nhưng không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- [2] Xét về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty V số tiền nợ gốc và lãi còn lại theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với số tiền là 29.805.000đ, (trong đó: tiền nợ gốc vay là 22.352.079đ và nợ lãi là 7.452.921đ) và lãi tiếp tục tính 06.7.2018 cho đến khi thanh toán hết khoản tiền nợ trên, trên nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tại phiên tòa thể hiện:

Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng hạn mức số: 20151106-500000-0713 ngày 08/10/2015, Công ty V đồng ý cho bà L vay với số tiền là 29.540.000đ, thời hạn vay là 30 tháng, lãi suất thỏa thuận 2,92%/tháng mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Về phương thức thanh toán tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà L có nghĩa vụ thanh toán 30 kỳ, mỗi kỳ là 30 ngày; 29 kỳ đầu mỗi tháng trả 1.491.000đ, tháng cuối cùng trả 1.488.000 đồng; kỳ thanh toán đầu tiên kể từ ngày 06/12/2015, tổng số tiền phải thanh toán là 44.727.000đ (29.540.000đ và lãi 15.182.000đ). Xét thấy, sự thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi trên là hợp pháp, phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Tính đến ngày 06/7/2018 khoản vay đã hết hạn, nhưng bà L đã thanh toán cho Công ty V 10 kỳ với tổng số tiền 14.922.000đ, còn nợ ngân hàng với tổng số tiền là 29.805.000đ, (trong đó: tiền nợ gốc vay là 22.352.079đ và nợ lãi là 7.452.921đ). Do bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi và nợ gốc đúng hạn đã cam kết là vi phạm vào thỏa thuận quy định tại hợp đồng tín dụng và vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Về yêu cầu lãi tiếp tục kể từ ngày 06/7/2018 cho đến khi thanh toán hết khoản tiền nợ trên, hàng tháng bà L còn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp với nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- [3] Về án phí: Bà L phải chịu 1.490.200đ (29.805.000đ x 5%, đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho Công ty V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 745.100đ (*bảy trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm đồng*) theo biên lai thu số: 0003859 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 122, 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty V số tiền 29.805.000đ (*hai mươi chín triệu, tám trăm, lẻ năm nghìn đồng*), trong đó: tiền gốc vay là 22.352.079đ, tiền lãi là 7.452.921đ.

Kể từ ngày 06.7.2018 cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bà L còn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà L phải chịu 1.490.200đ (*một triệu, bốn trăm, chín mươi nghìn, hai trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 745.100đ (*bảy trăm, bốn mươi lăm nghìn, một trăm đồng*) theo biên lai thu số: 0003859 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử tại nơi cư trú.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Vũ

